

*Bản án số: 283 /2023/HNGĐ - ST
Ngày: 08 - 12 - 2023
V/v tranh chấp HN&GD*

NHÂN DANH

NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TOÀ ÁN NHÂN DÂN HUYỆN PHÚ XUYỀN, TP HÀ NỘI

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa: Ông Phùng Văn Phong.

Các hội thẩm nhân dân: Vũ Minh Doan và Đào Đức Gương.

- Thư ký phiên tòa: Bà Phạm Thu Uyên – Cán bộ Tòa án.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Phú Xuyên, thành phố Hà Nội tham gia phiên tòa: Ông Bùi Quốc Trường - Kiểm sát viên

Ngày 08 tháng 12 năm 2023, tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Phú Xuyên, thành phố Hà Nội xét xử sơ thẩm công khai vụ án dân sự thụ lý số 249/2023/TLST-HNGĐ ngày 26 tháng 10 năm 2023 về tranh chấp HN&GD theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 65/2023/QĐXX - ST ngày 16/11/ 2023 giữa các đương sự:

1. *Nguyên đơn:* Chị Đỗ Thị V, sinh năm 1981;

2. *Bị đơn:* Anh Đinh Văn T, sinh năm 1981;

Đều có HKTT và cư trú tại: Thôn S, xã Q, huyện Phú Xuyên, thành phố Hà Nội. Chị V có mặt, anh T đã được triệu tập phiên tòa hợp lệ lần thứ hai nhưng vắng mặt không có lý do.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Tại đơn khởi kiện và quá trình xét xử, nguyên đơn Đỗ Thị V trình bày:

Chị kết hôn với anh Đinh Văn Toàn từ năm 2001 trên cơ sở tự nguyện có đăng ký kết hôn tại UBND xã M, huyện Phú Xuyên. Sau khi cưới, vợ chồng về chung sống với nhau tại thôn S, xã Q, huyện Phú Xuyên. Vợ chồng hoà thuận hạnh phúc đến năm 2019 thì phát sinh mâu thuẫn, nguyên nhân do anh T không chung thủy, mặc dù đã được gia đình khuyên giải nhưng vẫn qua lại chung sống với người phụ nữ khác khiến vợ chồng thường xuyên to tiếng, xô sát, hôn nhân trở nên bế tắc, vợ chồng đã tự sống ly thân từ đó đến nay.

Do tình cảm không còn, ly thân đã lâu nên chị đề nghị Toà án giải quyết cho được ly hôn với anh Toàn để giải phóng cho cả hai bên.

Về con chung: Vợ chồng có 02 con chung là Đinh Thị Việt C sinh 15/12/2001 và Đinh Công S sinh 08/9/2004 hiện đều đã trưởng thành và phát triển bình thường nên chị không đề nghị xét.

Về tài sản chung: Vợ chồng có một số tài sản chung nhưng xin tự thoả thuận, không yêu cầu Toà xét.

Công nợ chung vợ chồng: Điều không có nên chị không yêu cầu Tòa giải quyết.

Về phía bị đơn Đinh Văn T:

Quá trình tố tụng, anh T hiện vẫn đăng ký hộ khẩu thường trú và sinh sống ổn định tại xã Q. Tòa án đã phối hợp với chính quyền địa phương tiến hành tổng đạt các văn bản tố tụng cho anh T theo quy định của pháp luật, tuy nhiên anh T vẫn cố tình không đến Tòa làm việc nên không rõ quan điểm.

UBND xã Q nơi cư trú của đương sự có quan điểm:

Quá trình kết hôn, chung sống giữa anh T và chị V diễn ra đúng như lời chị V đã trình bày tại Tòa án; Thời gian đầu, cuộc sống vợ chồng tương đối hoà hợp nhưng trong vài năm trở lại đây thường xuyên xảy ra to tiếng, cãi vã nhưng địa phương không rõ nguyên nhân; theo con gái chị V cung cấp thì vợ chồng ly thân đã nhiều năm...

Do mâu thuẫn giữa chị V và anh T đã trầm trọng, tình cảm không còn, nay chị V có đơn xin ly hôn, đề nghị Tòa án giải quyết theo quy định của pháp luật; Các con chung của anh T, chị V đều đã trưởng thành và phát triển tâm sinh lý bình thường; Tài sản chung, công nợ chung của vợ chồng UBND xã không nắm rõ nhưng từ trước đến nay không thấy có đơn từ gì liên quan đến công nợ của anh T, chị V tại UBND xã;

Đại diện VKSND tham gia phiên toà xác định:

Quá trình tố tụng cũng như tại phiên toà, Thẩm phán, Thư ký được phân công giải quyết vụ án đã thực hiện đúng các quy định về thu thập chứng cứ, chấp hành đúng pháp luật tố tụng; Đương sự vắng mặt đã được Tòa án tạo mọi điều kiện để thực hiện các quyền và nghĩa vụ tố tụng dân sự; Đương sự có mặt đã thực hiện đầy đủ các quyền và nghĩa vụ tố tụng của mình trong suốt quá trình tố tụng cũng như tại phiên toà...

Do mâu thuẫn vợ chồng đã trầm trọng và đã sống ly thân, mục đích hôn nhân không đạt được nên đề nghị HĐXX chấp nhận yêu cầu của khởi kiện của chị Đỗ Thị V và áp dụng các Điều 51, 56, 57 Luật hôn nhân và gia đình xử: Cho chị Đỗ Thị V được ly hôn anh Đinh Văn T; Con chung của vợ chồng đều đã trưởng thành, các vấn đề về tài sản chung, công nợ chung các bên đều khẳng định không có hoặc không đề nghị Tòa xét nên không đặt ra.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu trong hồ sơ vụ án đã được thẩm tra tại phiên toà, căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên toà trên cơ sở lời trình bày của các bên đương sự và quan điểm của Đại diện VKSND, HĐXX nhận định:

[1] *Về tố tụng:*

Đây là vụ kiện Hôn nhân và gia đình tranh chấp về ly hôn, bị đơn có địa chỉ cư trú tại thôn S, xã Q, huyện Phú Xuyên nên TAND huyện Phú Xuyên thụ lý, giải quyết vụ án là đúng theo quy định tại Khoản 1 Điều 28, điểm a Khoản 1 Điều 35 và điểm a Khoản 1 Điều 39 Bộ luật tố tụng dân sự.

Do phía Bị đơn Đinh Văn T đã được triệu tập phiên toà hợp lệ nhiều lần nhưng vẫn vắng mặt không có lý do, thuộc trường hợp cố tình lẩn tránh nên Tòa án xét xử vụ án vắng mặt Bị đơn.

[2] *Về nội dung vụ án:*

Xét quan hệ hôn nhân giữa chị Đỗ Thị V và anh Đinh Văn T là hôn nhân tự nguyện, hợp pháp có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã M, huyện Phú Xuyên (Đăng ký kết hôn số 12, quyển 01, năm năm 2004). Vợ chồng chung sống hạnh phúc đến năm 2019 thì phát sinh mâu thuẫn, nguyên nhân theo chị V là do anh T không chung thủy, có quan hệ tình cảm với người phụ nữ khác nên vợ chồng đã sống ly thân từ năm 2020 cho đến nay.

Quá trình giải quyết vụ án, mặc dù đã được Tòa án triệu tập hợp lệ nhiều lần tham gia hoà giải và tham gia phiên toà nhưng anh T đều cố tình vắng mặt không có lý do chứng tỏ anh T cũng không mong muốn được hòa giải để vợ chồng đoàn tụ, chung sống.

Mặc dù phía chị V không xuất trình được chứng cứ chứng minh anh T có quan hệ ngoài luồng với người phụ nữ khác, song bằng việc hai bên đã ly thân nhiều năm và không ai có ý định hàn gắn cộng với thái độ bỏ mặc không mong muốn hoà giải đoàn tụ của anh T trong quá trình tố tụng...chứng tỏ mâu thuẫn vợ chồng đã đến mức trầm trọng, tình cảm

vợ chồng thực sự không còn, hôn nhân tồn tại chỉ là hình thức, không có ý nghĩa...nên yêu cầu xin ly hôn của chị V là có căn cứ, Hội đồng xét xử chấp nhận.

Về con chung: Vợ chồng có 02 con chung là Đinh Thị Việt C sinh 15/12/2001 và Đinh Công S sinh 08/9/2004 hiện đều đã trưởng thành và phát triển bình thường nên không xét.

Về tài sản chung, công nợ chung: Mặc dù quá trình tố tụng cũng như tại phiên tòa hôm nay, phía chị V khẳng định vợ chồng không có công nợ chung và tự thỏa thuận về tài sản chung nên không đề nghị Tòa xét... Tuy nhiên, do anh T vắng mặt nên đây chỉ là lời trình bày từ một phía. Vì vậy, để đảm bảo quyền và lợi ích hợp pháp của đương sự vắng mặt, phân công nợ chung và tài sản chung sẽ tách ra để giải quyết thành một vụ kiện khác nếu một hoặc cả hai bên có yêu cầu.

[3] *Về án phí và quyền kháng cáo:* Nguyên đơn phải nộp án phí ly hôn sơ thẩm theo quy định của pháp luật; Nguyên đơn và bị đơn có quyền kháng cáo theo quy định tại các Điều 271, 273 Bộ luật tố tụng dân sự.

Vì các lẽ trên:

QUYẾT ĐỊNH

Áp dụng Khoản 1 Điều 51, Điều 56, Điều 57 Luật hôn nhân và gia đình; Khoản 1 Điều 28, điểm a Khoản 1 Điều 35; điểm a Khoản 1 Điều 39; Điều 147, Điều 271 và Điều 273 Bộ luật Tố tụng dân sự; Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH 14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án, tuyên:

1. Xử cho chị Đỗ Thị V được ly hôn anh Đinh Văn T.
2. Về con chung: Điều đã trưởng thành nên không xét.
3. Về tài sản chung, công nợ chung: Tách phần tài sản chung, công nợ chung, dành quyền khởi kiện cho một hoặc cả hai bên trong một vụ kiện khác.
4. Về án phí: Chị Đỗ Thị V phải nộp 300.000 đồng (*Ba trăm nghìn đồng*) án phí ly hôn sơ thẩm, được đối trừ vào số tiền tạm ứng án phí 300.000 đồng (*Ba trăm nghìn đồng*) theo biên lai thu số 0015264 ngày 26/10/2023 tại Chi cục Thi hành án dân sự huyện Phú Xuyên. Chị V đã nộp đủ tiền án phí ly hôn sơ thẩm.

Án xử công khai sơ thẩm, báo đương sự có mặt có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án; đương sự vắng mặt có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết công khai.

Trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7 và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự.

Nơi nhận:

- TAND TP Hà Nội;
- VKSND huyện Phú Xuyên;
- VKSND TP Hà Nội;
- Chi cục THADS huyện Phú Xuyên;
- Cơ quan đã thực hiện việc đăng ký kết hôn
- Các đương sự;
- Lưu hồ sơ.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TOÀ**

Phùng Văn Phong

